

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 311

Số báo danh:

Câu 41. Nước ta nằm ở

- A. trung tâm của bán đảo Đông Dương. B. khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa.
C. trong vùng cận nhiệt đới bán cầu Bắc. D. vùng không có các thiên tai: bão, lũ lụt.

Câu 42. Tỉnh nào sau đây ở Bắc Trung Bộ có thế mạnh về quặng sắt để phát triển công nghiệp luyện kim đen?

- A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Trị.

Câu 43. Hướng chính của các dãy núi ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. bắc - nam. B. tây bắc - đông nam. C. vòng cung. D. tây - đông.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết Khu kinh tế ven biển Vân Phong thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Thuận. B. Ninh Thuận. C. Khánh Hòa. D. Phú Yên.

Câu 45. Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay **không** phải là

- A. năng lượng. B. luyện kim màu.
C. cơ khí - điện tử. D. vật liệu xây dựng.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với cả Lào và Campuchia?

- A. Gia Lai. B. Kon Tum. C. Đắk Lắk. D. Quảng Nam.

Câu 47. So với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay, tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta diễn ra

- A. còn chậm và chưa đáp ứng được. B. khá nhanh nhưng chưa đáp ứng.
C. khá nhanh và đã đáp ứng được. D. còn chậm nhưng đáp ứng được.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?

- A. Sông Thu Bồn. B. Sông Thái Bình. C. Sông Mã. D. Sông Cà.

Câu 49. Mưa lớn, địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị mất là nguyên nhân dẫn đến thiên tai nào sau đây?

- A. Bão. B. Lũ quét. C. Hạn hán. D. Động đất.

Câu 50. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Có thế mạnh tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản, rừng.
B. Chất lượng nguồn lao động cao đứng đầu cả nước.
C. Ở vị trí chuyển tiếp giữa các vùng phía bắc và phía nam.
D. Là cửa ngõ thông ra biển của Tây Nguyên và Nam Lào.

Câu 51. Ngành giao thông vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A. Đường bộ. B. Đường sắt. C. Đường biển. D. Hàng không.

Câu 52. Dân số đông đem lại thuận lợi nào sau đây cho nền kinh tế nước ta?

- A. Nguồn lao động dồi dào. B. Có nhiều việc làm mới.
C. Thu nhập người dân tăng. D. Chất lượng lao động cao.

Câu 53. Các tỉnh thuộc Tây Bắc của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên. B. Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình.
C. Điện Biên, Tuyên Quang, Cao Bằng. D. Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Nha Trang thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Nam Bộ. B. Tây Nguyên. C. Nam Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 55. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HUẾ VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4
TP. Hồ Chí Minh	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327,1	266,7	116,5	48,3

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ mưa của Huế và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Mùa mưa ở Huế từ tháng VIII - I, ở TP. Hồ Chí Minh từ tháng V - XI.
B. Tháng có mưa lớn nhất ở Huế là tháng X, ở TP. Hồ Chí Minh tháng IX.
C. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Huế là tháng III, ở TP. Hồ Chí Minh tháng II.
D. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần TP. Hồ Chí Minh.

Câu 56. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay?

- A. Có sự chuyển dịch rõ rệt. B. Tương đối đa dạng.
C. Có các ngành trọng điểm. D. Tập trung một số nơi.

Câu 57. Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung nước ta thường nghèo, nhiều cát là do

- A. nguồn gốc hình thành chủ yếu từ biển. B. đồng bằng nhỏ, hẹp ngang, bị chia cắt.
C. mưa nhiều, xói mòn, rửa trôi mạnh. D. phần lớn đồng bằng nằm ở chân núi.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Tuyên Quang nằm trên sông nào sau đây?

- A. Sông Đà. B. Sông Chu. C. Sông Cả. D. Sông Gâm.

Câu 59. Khu vực đồi núi của nước ta **không** phải là nơi có

- A. xói mòn và trượt lở đất nhiều. B. nhiều hẻm vực, lùm sông suối.
C. địa hình dốc, bị chia cắt mạnh. D. hạn hán, ngập lụt thường xuyên.

Câu 60. Để phòng chống khô hạn ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là

- A. thực hiện tốt công tác dự báo. B. xây dựng các công trình thủy lợi.
C. chuyển đổi cơ cấu mùa vụ. D. tạo ra các giống cây chịu hạn.

Câu 61. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế biển của nước ta?

- A. Khu du lịch Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn thuộc tỉnh Quảng Ninh.
B. Nghề làm muối phát triển mạnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Hầu hết các tỉnh và thành phố ở ven biển đều có cảng.
D. Việc đánh bắt xa bờ được đẩy mạnh đầu tư phát triển.

Câu 62. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm chủ yếu của nguồn lao động nước ta?

- A. Tính kỉ luật của người lao động rất cao.
B. Có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
C. Lực lượng lao động trình độ cao còn ít.
D. Chất lượng ngày càng được nâng lên.

Câu 63. Tây Nguyên là vùng đứng đầu cả nước về

- A. diện tích cây cà phê. B. diện tích cây ăn quả.
C. sản lượng cây cao su. D. trữ năng thủy điện.

Câu 64. Điều kiện tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến cơ cấu mùa vụ nông nghiệp ở nước ta?

- A. Tài nguyên đất đai đa dạng. B. Khí hậu phân hóa đa dạng.
C. Địa hình chủ yếu là đồi núi. D. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 65. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về điều kiện sinh thái nông nghiệp của Tây Nguyên?

- A. Có hai mùa mưa, khô rõ rệt.
- B. Các cao nguyên badan xếp tầng.
- C. Đất nâu đỏ đá vôi màu mỡ.
- D. Thiếu nước trong mùa khô.

Câu 66. Sự khác nhau về thiên nhiên của sườn Đông Trường Sơn và vùng Tây Nguyên chủ yếu là do tác động của

- A. gió mùa với hướng của dãy núi Trường Sơn.
- B. gió mùa với độ cao của dãy núi Trường Sơn.
- C. Tín phong bán cầu Bắc với hướng của dãy Bạch Mã.
- D. Tín phong bán cầu Nam với độ cao của dãy Bạch Mã.

Câu 67. Cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, chủ yếu do tác động của

- A. tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.
- D. nguồn lao động dồi dào, kĩ thuật cao.

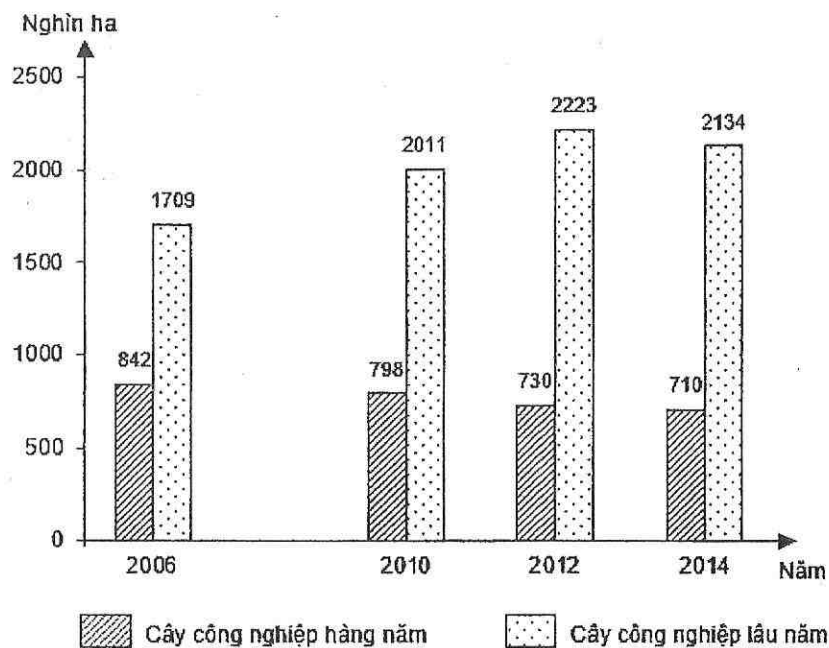
Câu 68. Vai trò quan trọng nhất của các lâm trường ở Bắc Trung Bộ là

- A. trồng rừng làm nguyên liệu giấy.
- B. trồng rừng phòng hộ ven biển.
- C. khai thác đi đôi với tu bổ rừng.
- D. chế biến gỗ và lâm sản khác.

Câu 69. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất khẩu của nước ta từ sau Đổi mới đến nay?

- A. Kim ngạch xuất khẩu luôn luôn cao hơn nhập khẩu.
- B. Kim ngạch xuất khẩu nhìn chung tăng qua các năm.
- C. Thị trường được mở rộng và đa dạng hóa.
- D. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản là các thị trường lớn.

Câu 70. Cho biểu đồ về cây công nghiệp của nước ta qua các năm:

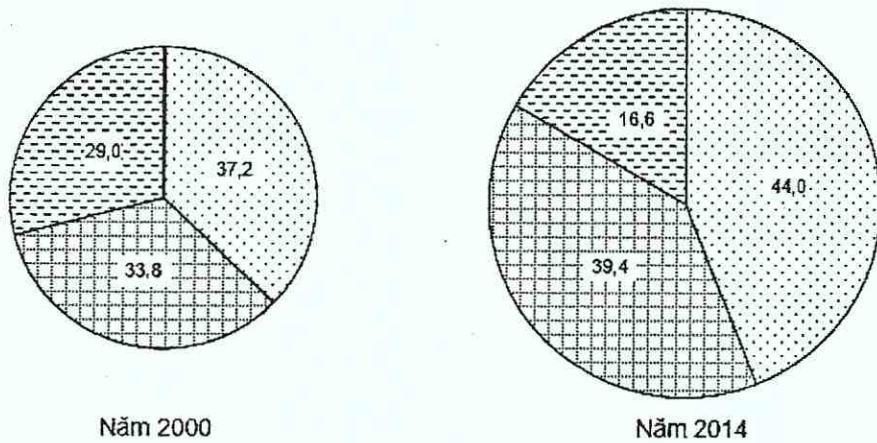


(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu giá trị sản xuất cây công nghiệp của nước ta qua các năm.
- B. Giá trị sản xuất cây công nghiệp của nước ta qua các năm.
- C. Diện tích cây công nghiệp của nước ta qua các năm.
- D. Tốc độ tăng diện tích cây công nghiệp của nước ta qua các năm.

Câu 71. Cho biểu đồ sau:



- Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản
- Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp
- Hàng nông - lâm - thủy sản

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THEO NHÓM HÀNG, NĂM 2000 VÀ 2014 (%)
(Nguồn số liệu theo Sách giáo khoa Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015 và Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng giá trị xuất khẩu của các nhóm hàng ở nước ta năm 2014 so với năm 2000?

- A. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng, Hàng nông - lâm - thủy sản giảm.
- B. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng, Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.
- C. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm, Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.
- D. Hàng nông - lâm - thủy sản giảm, Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.

Câu 72. Tuy gia tăng tự nhiên dân số giảm, nhưng số dân nước ta vẫn còn tăng nhanh là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Quy mô dân số lớn.
- B. Gia tăng cơ học cao.
- C. Cơ cấu dân số già.
- D. Tuổi thọ ngày càng cao.

Câu 73. Trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí ở nước ta cần đặc biệt chú ý giải quyết vấn đề nào sau đây?

- A. Các sự cố về môi trường.
- B. Tác động của thiên tai.
- C. Liên doanh với nước ngoài.
- D. Thu hồi khí đồng hành.

Câu 74. Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014

Năm	2010	2012	2013	2014
Than sạch (nghìn tấn)	44 835	42 083	41 064	41 086
Dầu thô (nghìn tấn)	15 014	16 739	16 705	17 392
Điện (triệu kwh)	91 722	115 147	124 454	141 250

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng của các sản phẩm công nghiệp nước ta, giai đoạn 2010 - 2014?

- A. Dầu thô tăng, điện giảm.
- B. Dầu thô giảm, than sạch tăng.
- C. Điện tăng nhanh hơn dầu thô.
- D. Than sạch, dầu thô và điện đều tăng.

Câu 75. Việc phát triển các nhà máy điện sử dụng than làm nhiên liệu ở nước ta chủ yếu gây ra vấn đề môi trường nào sau đây?

- A. Ô nhiễm nước ngầm.
- B. Ô nhiễm không khí.
- C. Ô nhiễm đất đai.
- D. Ô nhiễm nước mặt.

Câu 76. Nguyên nhân nào sau đây làm cho tháng mưa lớn nhất ở Nam Bộ nước ta đến muộn hơn so với Bắc Bộ?

- A. Dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
- B. Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến Nam Bộ sớm hơn.
- C. Vị trí Nam Bộ xa chí tuyến Bắc và gần xích đạo hơn.
- D. Gió mùa Tây Nam kết thúc hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.

Câu 77. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Tạo ra những thay đổi trong phân bố dân cư.
- B. Giúp đẩy mạnh sự giao lưu với các vùng khác.
- C. Nâng cao hiệu quả bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- D. Làm thay đổi sự phân công lao động theo lãnh thổ.

Câu 78. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014
(Đơn vị: triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2013	2014
Khu vực kinh tế trong nước	33 084,3	42 277,2	43 882,7	49 037,3
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	39 152,4	72 252,0	88 150,2	101 179,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa theo khu vực kinh tế nước ta, giai đoạn 2010 - 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Đường.
- D. Cột.

Câu 79. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên làm gián đoạn thời gian khai thác thủy sản ở nước ta trong năm là

- A. nguồn lợi thủy sản bị suy giảm.
- B. có nhiều đoạn bờ biển bị sạt lở.
- C. có nhiều bão và gió mùa Đông Bắc.
- D. môi trường ven biển bị ô nhiễm.

Câu 80. Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng là

- A. thiếu nguyên liệu tại chỗ.
- B. có mật độ dân số cao.
- C. cơ cấu kinh tế chậm chuyển biến.
- D. cơ sở hạ tầng còn hạn chế.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

